

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và bà Nguyễn Thị Nhiều.

*- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Dung- Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2021 về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Trần Huy N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh N đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 04 năm 2021, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày và có yêu cầu :*

Chị và anh Trần Huy N tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 14 tháng

04 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân khi lấy nhau về anh N không chịu làm ăn, mọi công việc do chị gánh vác và lo toan, khi chị đi làm về thì anh N lấy cớ kiếm chuyện đòi tiền, chị không đáp ứng thì anh có thái độ chửi mắng, xúc phạm chị. Trong thời gian chị mang thai đến khi sinh con anh N không quan tâm và trách nhiệm gì với vợ con, bản thân chị thấy tình cảm giữa chị và anh N ngày càng xa cách, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Đ, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sống từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh N không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N, việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Chị và anh Trần Huy N có một con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2018. Hiện nay con đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con N và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện nay, mức lương thu thập bình quân của chị khoảng 10.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Trần Văn T, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn N, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (bố đẻ anh Trần Huy N) trình bày: Chị H và anh N kết hôn là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự Tân và tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình ông tại thôn N, xã Tự Tân. Vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Tự Tân ở, gia đình ông có tìm chị H về nhưng chị H không về. Tuy nhiên, anh N cho rằng chị đã tự bỏ nhà đi thì tự tìm về, anh không đi tìm. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có lần anh N không đi đám cưới người nhà chị H, không mừng cưới theo ý chị H nên chị H vùng vằng thu dọn quần áo bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ ở, từ khi đi đến nay chị H không về gia đình ông nữa và cũng không qua lại thăm hỏi gì vợ chồng ông. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh N, ông và gia đình đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị H và anh N về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 02/02/2018, hiện đang ở cùng với chị H. Gia đình ông vẫn đi lại hỏi thăm và liên lạc với cháu. Nếu trường hợp chị H và anh N ly hôn, chị H nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thì gia đình cũng không có ý kiến gì vì hiện nay cháu N còn nhỏ lại là con gái nên cần được sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Nếu chị H không có khả năng nuôi cháu N thì đề nghị giao con cho anh N và gia đình ông

nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, chị H không yêu cầu, ông không có ý kiến gì. Hiện nay anh N làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Về tài sản: Trong thời gian anh chị chung sống cùng với gia đình ông bà, chị H, anh N không có đóng góp, tu sửa, tôn tạo gì vào khối tài sản chung của vợ chồng ông. Theo như ông được biết thì anh chị không có nợ chung.

** Bà Vũ Thị K, địa chỉ: Thôn Đ, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ chị H) trình bày:*

Chị H và anh N tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn giữa anh chị sống có thời gian hòa thuận hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chịu tu chí, làm ăn, kinh tế gia đình phụ thuộc vào thu nhập của chị H nên chị H rất vất vả. Khi chị H mang thai và sinh con đến nay con anh chị đã được hơn 03 tuổi mà anh N vẫn không thay đổi tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con để mặc chị H lo toan mọi thứ trong gia đình. Do không thể chịu đựng, gánh vác được mãi nên từ năm 2018 chị H đã đưa con về ở với gia đình bà tại thôn Đ, xã Tự Tân. Thời gian đầu khi chị H mới về vợ chồng bà có động viên chị H về nhà để đoàn tụ nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, gia đình bà nhận thấy anh N không có thiện chí, không đến nói chuyện với gia đình bà để vợ chồng về đoàn tụ, ngoài ra anh N không tu chí làm ăn. Vì vậy, nay chị H có đơn xin ly hôn anh N chúng tôi cũng xác định cuộc sống của chị H tiếp tục ở với anh N càng thêm vất vả mà không tìm được hạnh phúc. Nay bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định để giải quyết.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một cháu là Trần Thị Bảo N, sinh năm 2018, hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chị H và anh N ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chị H trong việc trông nom, chăm sóc cháu N.

Về tài sản: Chị H và anh N không có tài sản chung và không vay nợ chung. Nay chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà không có ý kiến gì.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Trần Huy N, nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định để giải quyết.

** Đại diện cơ sở thôn N và đại diện UBND xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cung cấp:* Chị Vũ Thị H và anh Trần Huy N đều là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Chị H và anh N tự nguyện tìm hiểu, kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự Tân ngày 14/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh N tại thôn N, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, không có biểu hiện gì mâu thuẫn đến khoảng năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không có công ăn việc làm ổn định, học hành không đến nơi đến chốn, vợ chồng đều còn trẻ, kinh tế gia đình khó khăn, không ổn định nên chị Hà bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Tự Tân ở. Anh N và gia đình cũng không đến tìm chị H. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Ngoài ra trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng không có va chạm, cãi vã gì ảnh hưởng đến địa phương, địa phương cũng không tổ chức hòa giải. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh N địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chị H chung sống với anh N vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 02/02/2018, hiện đang ở với chị H. Nếu chị H và anh N ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con N vì con còn nhỏ, lại là con gái. Chị H có sức khỏe, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc chăm nom, chăm sóc con và có điều kiện nuôi con tốt hơn so với điều kiện của anh N.

Về tài sản: Chị H trình bày, vợ chồng không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy địa phương không có ý kiến gì.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không đến Tòa án nhưng có đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt tại Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Huy N.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi con Trần Thị Bảo N, sinh ngày 02/02/2018, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị nên nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N chưa có ý kiến về tài sản chung nên đề nghị giải quyết bằng vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn là anh Trần Huy Nghĩa đã được nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và Giấy báo của Tòa nhưng không có ý kiến trình bày lời khai tại Tòa án, vắng mặt trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Trần Huy N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự Tân, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống và kinh tế gia đình nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2018, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị H và con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị H sinh sống, anh N không tìm chị H về, vợ chồng sống ly thân từ đó, chấm dứt quan hệ tình cảm và mọi mối liên hệ vợ chồng, không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Huy N là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Trần Huy N có 01 con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 02/2/2018, hiện đang ở với chị H. Chị H đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có ý kiến, quan điểm về việc ly hôn cũng như về vấn đề nuôi con chung. Xét thấy con là con gái, còn nhỏ, từ khi sinh đến giờ đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có sức khỏe, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc chăm nom, chăm sóc con và có điều kiện nuôi con tốt hơn so với điều kiện của anh N, đại diện gia đình anh N cũng đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao con Trần Thị Bảo N cho chị H là phù hợp, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[4] Về tài sản: Chị Vũ Thị H không yêu cầu giải quyết về tài sản và anh Trần Huy N chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án

này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Trần Huy N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Bảo N, sinh ngày 02/02/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh N và chị H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Hà đã nộp tạm ứng tại biên lai số 0000841 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh Trần Huy N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

tỉnh Thái Bình;

- UBND xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. (GCN số 17/ ngày 14 tháng 4 năm 2016);

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Xuân Huyền

